

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 04/2022/DS-PT

Ngày: 05/01/2022

V/v: “Phân chia di sản thừa
kế”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh R**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử Phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Huyền.

Các Thẩm phán: Ông Vũ Văn Tú, bà Nguyễn Thị Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quang Hùng, Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử Phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 208/2021/TLPT-DS ngày 22 tháng 10 năm 2021 về việc “Phân chia di sản theo thừa kế”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2021/DS-ST ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo, kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 211/2021/QĐ-PT, ngày 10 tháng 11 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 183/2021/QĐ-PT ngày 01/12/2021 và Thông báo chuyển lịch vụ án ngày 14/12/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Q, chị Trần Thị W, chị Trần Thị E; cùng địa chỉ: Ấp TT, xã CP, huyện TTh, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn R, sinh năm: 1952; địa chỉ: Số 44 đường LG, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

- Bị đơn: Bà Trần Thị W; địa chỉ: Thôn TL 5, xã PĐ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

1. Anh Trần Trường T, sinh năm: 1989. Có mặt;

2. Chị Trần Thị Kim Y, sinh năm: 1991. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn TL 5, xã PĐ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

3. Anh Nguyễn Sỹ U; trú tại: Thôn TL 9, xã PĐ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị I; địa chỉ: Số 8/9 đường LTT, phường BN, Quận M, thành phố Hồ Chí Minh; Vắng mặt.

5. Ông Trần Thanh O; địa chỉ: Số 44 đường ND, thị trấn PQ, huyện N, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

6. Ngân hàng P; địa chỉ: Số 495-497 HV, phường AL, thị xã HB, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Ông Trần Đức A và bà Nguyễn Thị S; cùng địa chỉ: Thôn TL 7, xã PĐ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

2. Bà Trần Thị D; địa chỉ: Thôn 8, xã EN, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.
3. Ông Vũ Tiến F; địa chỉ: Số 115 LG, phường Tân Lợi, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn ông Lê Văn R trình bày: Ông Trần Ngọc G và bà Nguyễn Thị Q là vợ chồng có đăng ký kết hôn vào tháng 3 năm 1985 tại UBND xã TQ, huyện TY, tỉnh Thanh Hóa, trong thời gian chung sống có 02 con chung là Trần Thị W, sinh ngày 19/5/1985 và Trần Thị E, sinh ngày 09/10/1988. Vào năm 1988 bà Q cùng chị W chuyển về sinh sống tại Thanh Hóa và bà Q sinh chị E; ông G chung sống như vợ chồng với bà Trần Thị W và có 02 người con là Trần Trường T và Trần Thị Kim Y. Ngày 11/01/2016, ông G lâm bệnh nặng qua đời. Ông G mất không để lại di chúc nên mẹ con bà Q chờ mẹ con bà W là người quản lý di sản mời về họp gia đình để phân chia tài sản thừa kế nhưng không thấy gì. Tài sản ông G để lại gồm:

- Quyền sử dụng đất thửa đất số 101, tờ bản đồ số 04, diện tích 6600m², tại thôn 13, xã PĐ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Giấy CNQSDĐ số AK 571238, do cấp ngày 21/8/2007; đất trồng cà phê, có giá trị 300.000.000 đồng.

Quyền sử dụng đất thửa đất số 151b, tờ bản đồ số 06, diện tích 930m², tại thôn TL 5, xã PĐ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Giấy CNQSDĐ số AĐ 946384 do UBND huyện K cấp ngày 16/10/2006, đứng tên hộ ông Trần Ngọc G, bà Trần Thị W; trên đất có 01 căn nhà xây diện tích 200m²

- 4,5 Héc ta rẫy cà phê tại xã ES, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; có giá khoảng 300.000.000 đồng. Hoa lợi từ năm 2016 đến 2017 của 5,16 hecta đất rẫy cà phê, ước đạt 10 tấn chưa trừ chi phí.

Toàn bộ tài sản trên do bà Trần Thị W quản lý, quy giá trị khoảng 1.600.000.000 đồng.

Ngày 11/11/2017, bà Q có đơn gửi UBND xã PĐ và Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện K, yêu cầu biện pháp ngăn chặn tẩu tán tài sản thì được biết bà W và 02 người con của bà W đã lập biên bản họp gia đình ngày 28/3/2016 và biên bản phân chia di sản thừa kế mà không có ý kiến của mẹ con bà Q. Do sai sót của chính quyền địa phương dẫn đến việc bà W đã sang tên đổi chủ toàn bộ tài sản 02 thửa đất của ông G. Để đảm bảo quyền lợi của mình, bà Q và chị W, chị E yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế của ông Trần Ngọc G theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Văn R bổ sung yêu cầu khởi kiện đối với nội dung, yêu cầu chia 4,5 hecta rẫy cà phê tại xã ES, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nay yêu cầu theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ là 6,4 héc ta; rút yêu cầu đối với phần hoa lợi từ năm 2016 đến năm 2017 theo đơn kiện. Theo nguyện vọng của nguyên đơn, ông R đề nghị Tòa án xem xét chia hiện vật là thửa đất số 101, tờ bản đồ số 04, diện tích 6600m² cho các nguyên đơn bà Q, chị E, chị W, khấu trừ giá trị chênh lệch đối với phần thừa kế được hưởng. Đối với kết quả thẩm định, định giá ông R đồng ý không có yêu cầu gì khác.

- Bị đơn bà Trần Thị W trình bày: Bà W không đồng ý việc khởi kiện của bà Q, chị W, chị E với lý do bà W không biết những người này là ai. Về yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật. Về quan hệ giữa bà W và ông Trần Ngọc G, bà W là vợ của ông G, hai người chung sống với

nhau từ năm 1987 nhưng không đăng ký kết hôn, đến năm 2016 sau một thời gian lâm bệnh nặng thì ông G mất. Trong thời chung sống, có 02 con là Trần Trường T và Trần Thị Kim Y. Quá trình chung sống, ông G và bà W tạo lập được một số tài sản chung sau đây:

Quyền sử dụng đất diện tích 930m² tại thôn TL 5, xã PD, huyện K, trên đất có 01 căn nhà xây, hiện bà W đã thế chấp vay Ngân hàng;

03 héc ta rẫy cà phê và rừng tại xã ES, huyện K, đất chưa được cấp Giấy CNQSDĐ;

Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 101, tờ bản đồ số 04, diện tích 6600m², tại thôn 13, xã PD, huyện K, đã sang nhượng cho anh Nguyễn Sỹ U vào năm 2017, anh U đã nhận rẫy và canh tác từ đó đến nay.

Những tài sản trên là của bà W và ông G; nguồn gốc là do bà W đã bán tài sản của chính bà W tại huyện C, tỉnh Đắk Lắk để qua lập nghiệp tại thôn TL 5, xã PD để mua.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 26/3/2018 bà W khai: Bà W và ông G chung sống với nhau từ năm 1986 đến năm 2016 thì ông G mất do bị bệnh ung thư. Trong thời gian chung sống bà W và ông G có 03 người con; tuy nhiên người con đầu sinh năm 1987 mới sinh ra đã mất.

Do bà Q bỏ đi thời gian trước đó nên bà W không biết ông G đã có vợ; tuy nhiên đến năm 1989, bà W mới phát hiện ông G có vợ nhưng ông G nói chưa đăng ký kết hôn nên bà W và ông G chung sống như bình thường.

Việc bà Q khai bỏ đi từ năm 1988 là không đúng vì khi chung sống với ông G từ năm 1986 thì bà W không biết bà Q là ai. Bà W đề nghị Tòa án xem xét làm rõ các vấn đề sau đây:

Về Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn giữa ông G và bà Q từ năm 1985, bà W đề nghị Tòa án làm rõ việc đăng ký trên có đúng trình tự pháp luật không, vì năm sinh của bà Q khác so với giấy chứng minh nhân dân, chữ ký của ông G trong giấy chứng nhận kết hôn có phải do ông G ký không, việc bà Q ký có cùng tại thời điểm đăng ký kết hôn không? Về chị Trần Thị W và Trần Thị E có phải là các con của ông G và bà Q hay không để được hưởng di sản thừa kế.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà W không đồng ý vì nguyên đơn không có đóng góp gì đối với tài sản nói trên. Khi ông G ốm nặng rồi mất thì bà Q không thực hiện nghĩa vụ của một người vợ, không chăm sóc, chữa trị cho ông G.

Ngoài ra, trong thời gian ông G còn sống vợ chồng còn nợ Ngân hàng Y số tiền 360.000.000 đồng nợ gốc, đến tháng 3/2016 sau khi ông G mất thì bà W đã trả khoản nợ gốc và lãi là 398.325.000 đồng và các khoản nợ khác, tôi sẽ cung cấp chứng cứ cho Tòa án sau.

Tại phiên tòa bà W vẫn giữ nguyên ý kiến không đồng ý chia thừa kế cho các nguyên đơn, nhưng đề nghị Tòa án xem xét chi phí mai táng cho ông G, khoản nợ chung và tính công sức đóng góp, bảo quản tài sản của bà W đối với phần tài sản của ông G. Đối với kết quả thẩm định, định giá bà W đồng ý không có yêu cầu gì khác.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Trần Trường T trình bày:
Anh T không đồng ý việc khởi kiện của bà Q và chị W, chị E với lý do anh T không biết những người này là ai. Về yêu cầu của nguyên đơn thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về quan hệ giữa anh T và ông G là cha con với nhau;

anh T là con trai và có đầy đủ giấy khai sinh theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa anh T đề nghị được chia thừa kế tài sản của ông G theo quy định của pháp luật. Đối với kết quả thẩm định, định giá anh T đồng ý không có yêu cầu gì khác.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Kim Y trình bày: Chị Y không đồng ý việc khởi kiện của bà Q và chị W, chị E với lý do chị Y không biết những người này là ai. Về yêu cầu của nguyên đơn thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về quan hệ giữa chị Y và ông G là cha con với nhau; anh Y là con ông G và có đầy đủ giấy khai sinh theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa chị Y đề nghị được chia thừa kế tài sản của ông G theo quy định của pháp luật. Đối với kết quả thẩm định, định giá chị Y đồng ý không có yêu cầu gì khác.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Sỹ U trình bày:

Ngày 24/11/2017, anh U có làm thủ tục nhận chuyển nhượng từ bà Trần Thị W 01 lô đất rẫy thuộc đất số 101, tờ bản đồ số 04, diện tích 6600m², diện tích thực tế 5.683,5m² tọa lạc tại thôn 13, xã PD, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; theo Giấy CNQSDĐ số CD 410760, do UBND huyện K cấp ngày 22/7/2016, đứng tên bà Trần Thị W; giá chuyển nhượng là 100.000.000 đồng. Hai bên có lập Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ được Phòng công chứng số 3 HB, công chứng cùng ngày. Tuy nhiên, trong lúc đang làm thủ tục sang tên thì bị Tòa án áp dụng biện pháp ngăn chặn nên không làm được thủ tục sang tên cho anh U. Sau khi chuyển nhượng thì anh U đã nhận đất sử dụng và canh tác từ đó đến nay, số tiền chuyển nhượng anh U đã giao đủ cho bà W. Về tranh chấp thừa kế thì anh U không có ý kiến gì và cũng không liên quan, anh U chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết xem xét tranh chấp sớm để anh U còn được làm thủ tục sang tên đối với thửa đất nói trên. Sau khi nhận đất thì anh U có trồng thêm bơ, sầu riêng, cây mắc ca theo như biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án, về cà phê đã trồng lâu rồi. Về kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và kết quả định giá tài sản ông U không có ý kiến và cũng không có yêu cầu gì. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ Liên quan ông Trần Thanh O trình bày: Vợ ông O có họ hàng với bà Trần Thị W (Con nhà chủ bác ruột). Từ lâu nay hai bên gia đình có vay mượn qua lại nhiều lần, chứng từ bà W cung cấp chữ ký và viết Trần Thanh Ba đúng là của ông O. Ông O không có yêu cầu gì trong vụ án, do tuổi cao, sức yếu nên ông O từ chối tham gia tố tụng trong vụ án.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ Liên quan bà Nguyễn Thị I trình bày: Năm 2015, có ông G, bà W vay 1 tỷ vào ngày 05/9/2015, ngày 08/11/2015 vay thêm 500.000.000 đồng để chữa trị bệnh cho ông G vì bệnh quá nặng. Sau khi ông G mất bà W đã trả dần, đến nay tổng cộng là 1.100.000.000 đồng; hiện còn nợ 400.000.000 đồng, Bà I yêu cầu bà W hoàn trả số tiền còn thiếu, thời hạn chậm nhất vào tháng 6/2021. Vì tuổi cao, bệnh tật già yếu nên xin xét xử vắng mặt.

- Ngân hàng P, Chi nhánh Đắk Lắk, PGD HB, theo thông báo công văn trả lời ngày 20/12/2020 như sau: Vào ngày 08/12/2020, bà Trần Thị W có vay Ngân hàng P, Chi nhánh Đắk Lắk, PGD HB theo Hợp đồng số 202025900576, với số tiền 1.000.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng. Để đảm bảo cho khoản vay bà W ký kết Hợp đồng thế chấp số 01249/2017/TC-BH đối với thửa đất số 151b, tờ bản đồ số 06, Giấy CNQSDĐ số CD 410761 do UBND huyện K cấp ngày 22/7/2016, dùng tên bà Trần Thị W. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, do bà W đều thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của hợp đồng tín dụng và không xảy ra sai phạm gì nên Ngân hàng không

có yêu cầu độc lập gì trong vụ án này, trong trường hợp có phát sinh tranh chấp với ngân hàng, thì Ngân hàng sẽ kiện bằng một vụ án khác. Ngân hàng xin vắng mặt tại các buổi làm việc và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án số 22/2021/DS-ST ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ:

- Khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án,

Các Điều 649, 650, 651, 658, 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015. - Án lệ số 05/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2016 và được công bố theo Quyết định 220/QĐCA ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q, chị Trần Thị W, chị Trần Thị E.

1. Xác định người thừa kế của ông Trần Ngọc G theo quy định của pháp luật thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm: Bà Nguyễn Thị Q, chị Trần Thị W, chị Trần Thị E, anh Trần Trường T, chị Trần Thị Kim Y.

2. Xác định các tài sản sau đây trong khối tài sản chung giữa ông Trần Ngọc G với bà Trần Thị W là di sản thừa kế của ông Trần Ngọc G để lại gồm:

Thửa đất số 151b, tờ bản đồ số 06; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 410761 do Sở Tài nguyên và Môi Trường tỉnh Đắk Lắk, cấp ngày 22/7/2016, đứng tên bà Trần Thị W.

Thửa đất số 101, tờ bản đồ số 04; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 410760 do Sở Tài nguyên và Môi Trường tỉnh Đắk Lắk, cấp ngày 22/7/2016, đứng tên bà Trần Thị W.

Các thửa đất số 43, diện tích 33665,5m²; Thửa đất số 56, diện tích 3723,2m²; Thửa đất số 92, diện tích 18276,5m²; Thửa đất số 46, diện tích 8483,2m², đều thuộc tờ bản đồ số 39. Tọa lạc tại buôn EK, xã ES, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, đất chưa được cấp Giấy CNQSDĐ.

Xác định tổng tài sản chung của ông Trần Ngọc G và bà Trần Thị W là 3.514.376.000 đ (Ba tỷ năm trăm mười bốn triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn đồng), ông G và bà W mỗi người được xác định số tài sản tương ứng với số tiền 1.757.188.000đ.

Giá trị tài sản của ông Trần Ngọc G là 1.757.188.000đ (Một tỷ bảy trăm năm mươi bảy triệu một trăm tám mươi tám nghìn đồng).

Trừ các khoản ưu tiên thanh toán cho bà Trần Thị W gồm: Chi phí mai táng 47.000.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu đồng); 20% của 1.710.188.000đ giá trị tài sản, thanh toán cho bà W về công sức đóng góp, tôn tạo, giữ gìn tài sản thừa kế là 342.037.600 đồng (Ba trăm bốn mươi hai triệu không trăm ba mươi bảy nghìn sáu trăm đồng); ½ khoản nợ Ngân hàng Ngoại Y Việt Nam là 199.176.000đ (Một trăm chín mươi chín triệu một trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

3. Di sản của ông Trần Ngọc G còn lại để chia thừa kế là 1.168.974.400đ (Một tỷ một trăm sáu mươi tám triệu chín trăm bảy mươi tư nghìn bốn trăm đồng).

Di sản của ông Trần Ngọc G được chia thành 05 phần bằng nhau cho 05 người thừa kế gồm: Bà Nguyễn Thị Q, chị Trần Thị W, chị Trần Thị E, anh Trần Trường T, chị Trần Thị Kim Y. Giá trị mỗi kỷ phần thừa kế được nhận là: 1.168.974.400 đồng : 5 = 233.794.880đ (Hai trăm ba mươi ba triệu bảy trăm chín mươi tư nghìn tám trăm tám mươi đồng).

Bà Trần Thị W được quyền sở hữu, sử dụng khối tài sản gồm: Thửa đất số 151b, tờ bản đồ số 06; theo Giấy CNQSDĐ đất số CD 410761, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk, cấp ngày 22/7/2016, đứng tên bà Trần Thị W. Thửa đất số 101, tờ bản đồ số 04; theo Giấy CNQSDĐ số CD 410760, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk, cấp ngày 22/7/2016, đứng tên bà Trần Thị W. Các thửa đất số 43, diện tích 33665,5m²; Thửa đất số 56, diện tích 3723,2m²; Thửa đất số 92, diện tích 18276,5m²; Thửa đất số 46, diện tích 8483,2m², đều thuộc tờ bản đồ số 39. Tọa lạc tại buôn EK, xã ES, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, đất chưa được cấp Giấy CNQSDĐ.

Buộc bà Trần Thị W phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Q, chị Trần Thị W, chị Trần Thị E, anh Trần Trường T, chị Trần Thị Kim Y mỗi người 01 kỷ phần thừa kế tương ứng số tiền 233.794.880đ (Hai trăm ba mươi ba triệu bảy trăm chín mươi tư nghìn tám trăm tám mươi đồng).

Áp dụng khoản 2 điều 357 của Bộ luật Dân sự 2015 để tính lãi suất giai đoạn thi hành án khi người được thi hành án có đơn yêu cầu.

Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định số 01/2017/QĐ BPKCTT ngày 11/12/2017, của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk. Biện pháp khẩn cấp tạm thời không bị kháng cáo, kháng nghị.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 28/7/2021, Bà Trần Thị W, ông Trần Trường T và bà Trần Thị Kim Y có đơn kháng cáo đề nghị hủy Bản án sơ thẩm.

Theo Quyết định kháng nghị số 302/ĐKNPT-VKS-DS, ngày 29/7/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk, kháng nghị Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2021/DSST ngày 15/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk theo thủ tục Phúc thẩm, đề nghị cấp Phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa Phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ Liên quan xin rút một phần yêu cầu kháng cáo về số tiền bảo hiểm xã hội chi trả cho ông G. Các đương sự tranh luận và giữ nguyên quan điểm.

**Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Giữ nguyên yêu cầu kháng nghị. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk và kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; Hủy Bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho cấp sơ thẩm xét xử lại theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài

liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của Bà Trần Thị W, ông Trần Trường T và bà Trần Thị Kim Y trong thời hạn luật định và nộp tạm ứng án phí Phúc thẩm. Quyết định kháng nghị số 302/ĐKNPT-VKS-DS, ngày 29/7/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk kháng nghị trong hạn luật định nên được giải quyết theo trình tự Phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo và kháng nghị, HĐXX thấy:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Q với ông G, thấy: Ông G và bà Q đăng ký kết hôn tháng 3 năm 1985 tại UBND xã TQ, huyện TY, tỉnh Thanh Hóa và cho đến ngày ông G chết hai bên chưa có quyết định, Bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật. Do đó, ông G và bà Q là vợ chồng hợp pháp.

Xét, theo giấy chứng minh nhân dân bà Q sinh năm 1960, còn giấy chứng nhận kết hôn lại sinh năm 1961. Tuy nhiên, theo xác nhận của UBND xã TQ, Thanh Hóa thì bà Q có năm sinh 1960 và bà Q có năm sinh 1961 đã đăng ký kết hôn với ông G là một người (BL 130).

Trong thời kỳ hôn nhân ông G, bà Q có hai con chung: Trần Thị W, sinh ngày 19/5/1985 và Trần Thị E, sinh ngày 09/10/1988. Xét, con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân là con chung là có căn cứ, phù hợp với Điều 88 Luật HNGĐ, bà W cho rằng chị W và chị E không phải là con của ông G nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh, không được bà Q thừa nhận nên không được chấp nhận.

Xét quan hệ hôn nhân giữa ông G với bà W, thấy: từ năm 1985 đến ngày ông G chết chưa có quyết định, bản án có hiệu lực chấm dứt quan hệ hôn nhân với bà Q, do đó, việc ông G chung sống với bà W là vi phạm chế độ hôn nhân nên quan hệ hôn nhân giữa ông G và bà W không được công nhận là vợ chồng. Quá trình chung sống ông G và bà W có 2 con chung là Trần Trường T, sinh năm 1989 và Trần Thị Kim Y, sinh năm 1991. Ngày 11/01/2016, ông G chết không để lại di chúc.

Về hàng thừa kế: Bản án sơ thẩm xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông G gồm: Bà Q, Trần Thị W, sinh ngày 19/5/1985 và Trần Thị E, sinh ngày 09/10/1988, Trần Trường T, sinh năm 1989 và Trần Thị Kim Y là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 651 của BLDS.

[2.2] Xét di sản của ông G, HĐXX thấy: Ông G chết không để lại di chúc. Trong thời gian chung sống với bà W, ông G và bà W tạo lập được những tài sản gồm:

- Quyền sử dụng đất thửa đất số 101, tờ bản đồ số 04, Giấy CNQSDĐ số AK 571238, do cấp ngày 21/8/2007 đứng tên hộ ông G, bà W, diện tích 6600m², diện tích đo đạc thực tế 5.683.5m², tài sản trên đất là các loại cây trồng, tại thôn 13, xã PĐ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; ngày 22/7/2016, UBND huyện K cấp GCNQSDĐ số CD 410760 cho bà W do nhận thừa kế.

- Quyền sử dụng đất thửa đất số 151b, tờ bản đồ số 06, Giấy CNQSDĐ số AD 946384 do UBND huyện K cấp ngày 16/10/2006, đứng tên hộ ông Trần Ngọc G, bà Trần Thị W, diện tích 930m², diện tích đo đạc thực tế 892,7m², tại thôn TL 5, xã PĐ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; trên đất có 01 căn nhà xây cấp 3, diện tích 282,92m², giếng nước, sân xi măng, mái che, cổng trụ hàng rào và các loại cây trồng trên đất. (viết tắt thửa đất số 151)

-Thửa đất số 43, diện tích 33665,5m²; thửa đất 56, diện tích 3723,2m²; thửa đất số 92, diện tích 18276,5m²; thửa đất 46, diện tích 8483m². Tất cả các thửa đất thuộc tờ bản đồ 39 và chưa được cấp GCNQSDĐ, tại xã ES, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

Nguồn gốc thửa đất số 43, hộ ông G nhận hợp đồng với Công ty H; các thửa đất còn lại khai hoang.

[3] Xét Bản án sơ thẩm xác định và phân chia di sản của ông G chưa bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Cụ thể:

Đối với di sản là Quyền sử dụng đất và tài sản trên thửa đất số 151b, tại biên bản định giá tài sản ngày 21/02/2020 (BL 189), hội đồng định giá đã định giá thửa đất số 151b theo giá thị F là 2.268.000.000 đồng và giá trị tài sản trên đất là 356.654.443 đồng. Nhưng Bản án sơ thẩm chỉ xem xét và chia giá trị quyền sử dụng đất mà không xem xét chia tài sản tạo lập trên đất là giải quyết chưa hết yêu cầu của đương sự, đây là vi phạm nghiêm trọng.

-Thửa đất số 43: Kết quả xác minh (BL 114a) đất thuộc quản lý Công ty H được UBND tỉnh thu hồi giao cho địa phương quản lý. Bị đơn, bà W lúc khai đất có nguồn gốc nhận khoán, lúc nhận chuyển nhượng từ Công ty H với giá 90.0000.000đ, đã trả được 75.000.000đ, còn nợ lại 15.000.000đ. Tại BL 296, thể hiện Công ty H và hộ ông G, bà W ký hợp đồng chuyển nhượng giá trị đầu tư vườn cây, tại BL 295 thể hiện biên bản thanh lý hợp đồng giao khoán giữa Công ty H và hộ ông G, bà W. Cấp sơ thẩm không đưa UBND huyện K và Công ty H tham giá tố tụng để làm rõ quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Liên quan đến các giao dịch từ hợp đồng giao khoán, việc thanh lý hợp đồng là vi phạm nghiêm trọng. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà W yêu cầu ngừng phiên tòa để thu thập chứng cứ nhưng cấp sơ thẩm không ngừng phiên tòa. Xét thấy, nguồn gốc thửa đất, quyền và nghĩa vụ của các bên chưa được làm rõ nhưng cấp sơ thẩm không ngừng phiên tòa mà đã xác định là di sản đồng thời phân chia di sản là không có khả năng thi hành án, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của UBND huyện K và Công ty H.

Ngoài ra, tài sản tạo lập trên đất chưa được cấp sơ thẩm làm rõ do ai tạo lập, đầu tư, chăm sóc và quản lý để xem xét, tính giá trị tài sản trên đất, quá trình tố tụng người liên quan Trần Trường T khai nại các tài sản trên thửa đất do ông T tạo lập chăm sóc, quản lý nhưng cấp sơ thẩm không xác minh, thu thập mà đã xác định là di sản là vi phạm nghiêm làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích của đương sự.

- Thửa đất 46, thửa đất 56 và thửa đất số 92 nằm ngoài diện tích hợp đồng với Công ty H. Kết quả xác minh đất thể hiện đất do hộ ông G khai hoang năm 1999, Tại BL 202 ông T trình bày "... diện tích ông T quản lý canh tác là 6ha. Tuy nhiên, trong đó chỉ có 3 ha là đất do Công ty H cũ giao hợp đồng cho gia đình tôi; còn lại là đất do tôi khai hoang gồm 2 ha đất và 1 ha đất hồ và rừng. Việc tôi khai hoang vào khoảng thời gian trước khi bố tôi mất khoảng 1 năm rưỡi ..." Xét thấy, tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu chia 4,5ha, quá trình tố tụng thay đổi yêu cầu từ 4,5ha lên 6,4ha, lời khai của ông T và kết quả xác minh tại UBND xã ES về nguồn gốc đất có sự mâu thuẫn nhưng cấp sơ thẩm chưa tiến hành thu thập tại chính quyền địa phương, các hộ có đất giáp ranh về quá trình khai hoang, quản lý, sử dụng và tạo lập tài sản trên đất đối các thửa 46, 56 và 92 mà xác định là di sản của ông G là chưa khách quan.

Xét Bản án sơ thẩm phân chia di sản nhưng chưa xem xét yêu cầu của nguyên đơn được chia bằng hiện vật mà chia giá trị bằng tiền, trong khi các thửa đất 43, 46, 56, 92 có diện tích 6,4ha và liền kề nhau đảm bảo điều kiện về diện tích tối thiểu, công năng sử dụng. Do đó, cần ưu tiên chia bằng hiện vật.

Vi phạm về trình tự thủ tục tố tụng: Trong các bản tự khai hay trong các biên bản hòa giải, bị đơn bà Trần Thị W đều cho rằng trình tự, thủ tục đăng ký kết hôn giữa bà Q và ông G không đúng, tại Bút lục 161 bà W đã yêu cầu giám định chữ ký; ngoài ra bà W cho rằng các con của bà Q không phải là con của ông G. Đáng lẽ, cấp sơ thẩm phải lập biên bản giải thích về nghĩa vụ nộp tạm ứng chi phí tố tụng, tổng đạt thông báo nộp tạm ứng cho bà W để thực hiện việc giám định ADN, hết thời hạn được thông báo bà W không nộp chi phí tố tụng xem như từ bỏ yêu cầu. Mặt khác, ngày 26/6/2018, Tòa án nhân dân huyện Krông Búk ban hành quyết định ủy thác số 01/2018/QĐ-UTTA về việc đề nghị Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xác minh tại UBND xã TY về việc đăng ký kết hôn giữa ông G và bà Q có đúng quy định của pháp luật không, tuy nhiên chưa có kết quả ủy thác, Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa vụ án ra xét xử. Do đó, để có cơ sở vững chắc khi xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Q với ông G có phải là hôn nhân hợp pháp hay không, cần xác minh tại UBND xã TQ, huyện TY, tỉnh Thanh Hóa về việc ký kết hôn.

Xét lời khai của bị đơn cho rằng theo hợp đồng số 65/HĐ, ngày 10/9/2008, giữa ông G và Công ty H, sau khi thanh lý hợp đồng thì ông G còn nợ công ty 15.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm chia di sản là tài sản nhận khoán từ công ty, nhưng không đưa công ty tham gia tố tụng là vi phạm. Tại phiên tòa Phúc thẩm, đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày hiện nay Công ty H đã phá sản. Do đó, để giải quyết triệt để vụ án, cần tiến hành xác minh Công ty H còn hoạt động hay không, trường hợp đã phá sản thì thu thập Quyết định tuyên bố phá sản để có căn cứ xem xét quyền và lợi ích Liên quan đến công ty,

Từ những phân tích, nhận định trên. Xét cấp sơ thẩm có nhiều vi phạm nghiêm trọng: Đưa thiếu người tham gia tố tụng; đánh giá chứng cứ chưa khách quan, toàn diện, không xem xét hết yêu cầu của các bên đương sự, bỏ sót tài sản chưa phân chia. Cấp Phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 310 của BLTTDS, cần chấp nhận kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ Liên quan, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk, cần hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ cho sơ thẩm giải quyết theo thủ tục chung.

[4] Về án phí: Bị đơn Bà Trần Thị Y, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ông Trần Trường T và bà Trần Thị Kim Y không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lý do trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 BLTTDS, chấp nhận Quyết định kháng nghị số 302/QĐKNPT-VKS-DS ngày 29/7/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk và kháng cáo của bị đơn Trần Thị W; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ông Trần Trường T và bà Trần Thị Kim Y.

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 22/2021/DS-ST ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk. Và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp nhân dân huyện Krông Búk giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm

[2] Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định số 01/2017/QĐ BPKCTT ngày 11/12/2017, của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk cho đến khi có căn cứ thay đổi hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định Điều 137; 138 của BLTTDS.

[3] Về án phí: Bị đơn Bà Trần Thị Y, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ông Trần Trường T và bà Trần Thị Kim Y không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho bà Trần Thị W đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, theo biên lai thu tiền số 60AA/2021/0003709 ngày 06/8/2021.

Hoàn trả 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho bà Trần Thị Kim Y đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, theo biên lai thu tiền số 60AA/2021/0003708 ngày 06/8/2021.

Hoàn trả 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho ông Trần Trường T, theo biên lai thu tiền số 60AA/2021/0003707 ngày 06/8/2021.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án Phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Kr. Búk;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Thanh Huyền